

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đại

2. Ông Nguyễn Ngọc Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2022/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn V, huyện B, tỉnh H

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu P, xã T, huyện Đ, tỉnh P

Bà M có mặt, ông G vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn G kết hôn năm 2002 trên cơ sở hai bên đều tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã V, huyện Đ (quê của bà). Trước khi kết hôn với nhau, bà và ông G đều đã từng ly hôn. Sau khi kết hôn bà và ông G lên huyện B, tỉnh H làm ăn sinh sống. Thời gian chung sống, vợ chồng hòa thuận được một, hai năm đầu, sau đó liên tục xảy ra mâu thuẫn, do ông G hay uống rượu say đánh đập, chửi bới mẹ con bà. Từ năm 2005 ông G đã bỏ về quê ở xã T, huyện Đ, tỉnh P ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G.

- Về con chung: Bà M xác nhận bà và ông Giao có 01 con chung là Nguyễn Quang L, sinh ngày 31/7/2003 đã thành niên nên không phải giải quyết.
- Về tài sản chung, vay nợ chung và công sức đóng góp: Bà M xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là ông Nguyễn Văn G, nhưng ông G đều vắng mặt. Qua xác minh chị Bùi Thị T, sinh năm 1983 (chị T lấy anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 là con của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị H đã ly hôn, ông G ở cùng vợ chồng chị T), trú tại khu P, xã T, huyện Đ đều thể hiện: Ông G và bà M kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn bà M và ông G lên tỉnh H làm ăn, sinh sống. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2005 ông G đã về xã T, huyện Đ, tỉnh P ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, chị T đều nhận và thông báo lại cho ông G, tuy nhiên ông G đều tuyên bố không đến, cứ để Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà M.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự:

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn G được ly hôn.
- Về con chung: Cháu Nguyễn Quang L, sinh ngày 31/7/2003 đã thành niên nên không phải giải quyết.
- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không phải giải quyết.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà M phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M cư trú tại thị trấn V, huyện B, tỉnh H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung của vợ chồng với bị đơn ông Nguyễn Văn G cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh P nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng không có mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông G theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn G kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh P, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống với nhau. Từ năm 2005 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến

nhau nữa. Chính quyền địa phương và gia đình ông G cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông G đã trầm trọng, kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do vậy, việc bà M xin ly hôn ông G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà M và ông G có một con chung là Nguyễn Quang L, sinh ngày 31/7/2003, đến nay anh L đã thành niên nên không phải giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Bà M xác nhận không có nên không phải giải quyết. Nếu sau này ông G chứng minh có tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và có đơn khởi kiện thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M với ông Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Quang L, sinh ngày 31/7/2003 đã thành niên nên không phải giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền bà M phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0004165 ngày 29/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Bà M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông G vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoàn Hùng;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Thường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Đại

Nguyễn Ngọc Quang

Lê Vũ Thường